

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: **64/2024/HC-ST**
Ngày: 23-5-2024
V/v: Khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Sỹ Hải

Ông Nguyễn Trọng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2024/TLST-HC ngày 04/3/2024 về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HC ngày 06/5/2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Hữu T, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình M, sinh năm 1946 và ông Vũ Hồng C, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; ông C có mặt, ông M vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: Số 35 Đại lộ L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức G - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa;

2.3. Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: Tiểu khu 1, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế A - Chủ tịch UBND thị xã N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N - Phó Chủ tịch UBND thị xã N (theo văn bản ủy quyền số 371/UBND-TD ngày 25/01/2024); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã N:

- Ông Nguyễn Kim K - Phó Chánh Văn phòng HĐND&UBND thị xã; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn H - Chuyên viên Phòng TN&MT thị xã; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn H1 - Viên chức Ban GPMB-HT&TĐC thị xã; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N;

Địa chỉ: phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình P - Chủ tịch UBND phường H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình T1 - Phó Chủ tịch UBND phường H (theo văn bản ủy quyền số 226/UBND ngày 22/5/2024); có mặt.

3.2. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/6/2023, ngày 20/11/2023 và ngày 05/02/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, người khởi kiện ông Vũ Hữu T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 13/4/2006, Ban chấp hành Đảng bộ xã H (nay là phường H, thị xã N) có Nghị quyết số 08/NQ-ĐU về việc sửa chữa nhà văn hóa kết hợp với lớp học mầm non giai đoạn 2006-2010. Thực hiện Nghị quyết nêu trên, ngày 21/04/2006, UBND xã H xây dựng Đề án số 02/QĐ-UBND để các thôn thực hiện, trên cơ sở đó các thôn có phương án huy động vốn để xây dựng nhà văn hóa, trong đó có thôn Đ, xã H, huyện T (nay là TDP Đ, phường H, thị xã N).

Tháng 6/2006, thực hiện lời kêu gọi của UBND phường H, tôi (Vũ Hữu T) đã mua 152,6m² đất ở, thửa đất số 32, tờ trích đo số 04 tại thôn Đ, xã H, huyện T với giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) để xây dựng nhà ở cho gia đình tôi sinh sống. Vị trí tiếp giáp: Phía Bắc: Giáp đất anh X (đã chết); phía Đông: Giáp đất ở của các hộ xóm 3; phía Tây: Giáp đường men giữa 4m; Phía Nam: Giáp đất anh T2. Chiều dài Bắc Nam 6m, chiều dài Đông Tây 25m.

Ngày 02/6/2006, thôn Đ, xã H đã thành lập Hội đồng bàn giao đất, lập biên bản bàn giao cấp đất ở cho dân và tôi nộp tiền để xây dựng công trình phúc lợi Khu văn hóa thôn Đ (nay là Tổ dân phố Đ). Sau khi ký Biên bản bàn giao

đất, ngày 02/01/2007 tôi đã nộp đủ số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) vào ngân sách theo Phiếu thu số 15 nhưng đến nay tôi chỉ mới được bàn giao đất mà không được xây dựng nhà ở và cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

Ngày 07/5/2021, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn H - S và đoạn Q - T, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT, UBND thị xã N ra thông báo số 1391/TB-UBND cho gia đình tôi với nội dung: Thu hồi đất do hộ ông Vũ Hữu T đang sử dụng; diện tích đất dự kiến thu hồi: 59,2m², chi tiết như sau: Tờ trích đo: TD4, số thửa: 32, diện tích nguyên thửa: 152,6m², diện tích dự kiến thu hồi: 59,2m², loại đất: BHK. Sau khi UBND thị xã ra thông báo và lập dự toán bồi thường thì tôi chỉ được bồi thường tài sản trên đất còn về phần đất thì không được bồi thường với lý do là đất giao không đúng thẩm quyền.

Tôi đã làm đơn khiếu nại lần 1 đến UBND thị xã N, do không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND thị xã N nên tôi đã làm đơn khiếu nại lần hai đến UBND tỉnh Thanh Hóa về nội dung tôi không đồng ý Quyết định thu hồi đất số 13576/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3186/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND thị xã N về việc thu hồi và bồi thường đất cho hộ gia đình tôi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Q - T.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 kết luận: Diện tích đất hộ ông Vũ Hữu T đang khiếu nại là thửa đất số 32, Tờ trích đo TD4, diện tích nguyên thửa 152,6m², loại đất trồng cây hàng năm, ký hiệu BHK là đất do thôn Đ giao trái thẩm quyền sau ngày 01/7/2004. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2013 quy định các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai, bao gồm: *“Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền”* và khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây: *“Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 65 của Luật này”*. Vì vậy, khu đất tôi đang khiếu nại là đất giao trái thẩm quyền sau ngày 01/7/2004, vi phạm pháp luật về đất đai, không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi. Việc tôi khiếu nại đất bị thu hồi, bồi thường diện tích 59,2m² đất ở là không có cơ sở.

Tôi cho rằng Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa kết luận như trên là không đúng bởi những lý do sau:

Thứ nhất: Thửa đất số 04, Tờ trích đo TD4, diện tích nguyên thửa 152,6m² là thửa đất tôi mua khi cấp chính quyền cơ sở lúc đó là UBND xã H (ngày nay là phường H) cùng với thôn Đ đồng ý bán lại cho dân. Bản thân tôi là một người dân, không am hiểu pháp luật, khi biết xã và thôn bán đất thì tôi có

nhu cầu mua nên dành dụm được chút tiền đủ để mua mảnh đất cho gia đình sử dụng, có biên bản bàn giao đất và phiếu thu tiền làm căn cứ. Tuy nhiên, tại quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thị xã N và UBND tỉnh Thanh Hóa lại kết luận rằng mảnh đất trên là đất giao trái thẩm quyền theo quy định tại Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 là không đúng.

Thứ hai: Tại kết luận số 1920/KL-STNMT ngày 13/8/2007 của Sở Tài nguyên môi trường kết luận kiểm tra việc bán đất trái thẩm quyền tại các thôn xã H, huyện T đã kết luận rằng: Việc trưởng 06 thôn xã H bán đất cho 97 hộ dân làm nhà ở từ tháng 02/2006 đến tháng 4/2007 diện tích 2,65 ha thu 1.878 triệu đồng không qua sổ sách kế toán, chi trực tiếp vào các công trình phúc lợi của thôn; việc UBND xã Hải N bán thanh lý tài sản các nhà văn hóa gắn liền với đất tại 04 thôn (thực chất là bán đất trái thẩm quyền), thu 939 triệu đồng khi chưa được sự đồng ý của UBND huyện T và để cho 06 thôn bán đất làm nhà là vi phạm nghiêm trọng Điều 37 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 72 Luật Ngân sách năm 2002, việc UBND xã H đồng ý cho 04 thôn làm nhà văn hóa trên đất màu với diện tích 8.000m² khi chưa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là vi phạm Điều 31 Luật Đất đai năm 2003.

Như vậy, tại kết luận nêu trên của Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã khẳng định mảnh đất tôi mua ở trên là đất bán trái thẩm quyền chứ không phải là đất giao trái thẩm quyền như quyết định giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh khẳng định.

Từ những căn cứ trên, tôi (Vũ Hữu T) làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết những nội dung sau:

1. Hủy Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T, TDP Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Hủy Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T, TDP Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

3. Hủy Quyết định số 13576/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của ông Vũ Hữu T đang sử dụng tại phường H, thị xã N để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Q - T, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT.

4. Đề nghị UBND thị xã N chi trả tiền bồi thường đối với thửa đất số 32, tờ trích đo TD4, diện tích nguyên thửa 152,6m², diện tích bồi thường 59,2m² theo giá trị đất ở. Cụ thể: 3.200.000đ/m² x 59,2m² = 189.440.000 đồng.

5. Đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 93,4m² còn lại sau khi bị thu hồi.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/5/2024, người khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết:

- Hủy toàn bộ Quyết định hành chính số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa và Quyết định hành chính số 3186/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T.

- Đề nghị UBND phường H trả lại số tiền ông đã mua thửa đất số 32, tờ trích đo TD4, diện tích nguyên thửa 152,6m², diện tích thu hồi 59,2m² đã mua vào năm 2006 theo giá trị đất ở hiện hành.

** Tại Văn bản số 3347/UBND-TD ngày 13/3/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quan điểm như sau:*

Theo báo cáo, đề xuất của Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 1302/BC-TTTH ngày 07/6/2022 về kết quả xác minh khiếu nại của ông Vũ Hữu T, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Vũ Hữu T. Đến ngày 04/3/2024 (sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Vũ Hữu T hơn 20 tháng), ông Vũ Hữu T mới khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh ra Tòa án nhân dân tỉnh; căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện: “01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”; điểm g, khoản 1, Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định về các trường hợp đình chỉ giải quyết vụ án: “Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trong các trường hợp sau đây: g) Thời hiệu khởi kiện đã hết”. Như vậy, thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính đã hết, không đủ điều kiện để ông Vũ Hữu T khởi kiện Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Vũ Hữu T ra Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa trả lại đơn khởi kiện của ông Vũ Hữu T, xem xét đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 83/2024/TLST-HC ngày 04/3/2024.

** Tại Văn bản số 1657/UBND-TTra ngày 12/4/2024, Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa có quan điểm như sau:*

Căn cứ Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại hộ ông Vũ Hữu T, TDP Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Vũ Hữu T ở TDP Đ, phường H, thị xã N. Đến ngày 04/3/2024, ông Vũ Hữu T mới khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa là hơn 21 tháng và khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã N là hơn 23 tháng.

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 116, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện: “01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”; điểm g, khoản 1, Điều 143, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định về trường hợp đình chỉ giải quyết vụ án: “Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trong các trường hợp sau đây: g) Thời hiệu khởi kiện đã hết”.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa trả lại đơn khởi kiện của ông Vũ Hữu T, đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 83/2024/TLST-HC ngày 04/3/2024.

** Tại Văn bản số 134/UBND-ĐC ngày 08/4/2024 của Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N có quan điểm như sau:*

Khu đất ông Vũ Hữu T đang khởi kiện nằm tại TDP Đ, phường H; thửa đất số 32, tờ trích đo địa chính số 04/TĐ ĐC-2021 do Công ty CP đo đạc bản đồ và xây dựng P thực hiện và được Sở TNMT Thanh Hóa phê duyệt ngày 20 tháng 4 năm 2021, diện tích nguyên thửa 152,6m², diện tích thu hồi 59,2m², diện tích ngoài mốc ảnh hưởng 93,4m², hiện đang sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm (BHK).

- Hồ sơ địa chính thể hiện: Bản đồ 1993 thuộc tờ bản đồ số 3, thửa 455 diện tích 4.583m², loại đất LM, mục kê ghi HTX. Theo bản đồ địa chính xã H đo vẽ năm 2006 thuộc tờ bản đồ số 16, thửa đất số 51, diện tích 3.500m², loại đất BHK, mục kê ghi UBND xã;

- Hồ sơ giấy tờ về quyền sử dụng đất: Thửa đất không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Theo bản kết luận điều tra số 37/ KLĐT-CATG ngày 22/5/2008 của Cơ quan điều tra Công an huyện T (nay là Công an thị xã N), vụ án: Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Hộ ông Vũ Hữu T có tên trong Kết luận điều tra cụ thể, số diện tích đất ở được giao là 150m² với số tiền nộp là 6.000.000 đồng tại Sổ thứ tự 06, trang 12.

Theo hồ sơ giao đất ở do thôn Đ bán tại phiếu thu ngày 02/01/2007 với số tiền 6.000.000 đồng, diện tích giao đất 150m².

Căn cứ hồ sơ địa chính, hiện trạng sử dụng đất, hồ sơ quản lý đất đai lưu tại phường, UBND phường thống nhất xác định: Thửa đất 32, tờ bản đồ TD4 hộ ông Vũ Hữu T đang sử dụng với diện tích 152,6m² vào mục đích trồng cây hàng năm (BHK), được xác định như sau:

+ Diện tích 152,6m² thuộc đất do thôn Đ, nay là tổ dân phố Đ bán có thu tiền sử dụng đất, thời gian thôn giao đất vào năm 2006 (sau ngày 01/7/2004).

+ Diện tích thu hồi để thực hiện dự án là 59,2m², được xác định là đất được giao trái thẩm quyền sau ngày 01/7/2004.

- Về quan điểm của UBND phường H, thị xã N: Nội dung khiếu nại của gia đình ông Vũ Hữu T đã được các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết và đã ban hành Quyết định giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Diện tích thu hồi để thực hiện dự án được xác định là đất bán, giao trái thẩm quyền sau ngày 01/7/2004, không đủ điều kiện xem xét hợp thức hóa và bồi thường theo quy định.

Hộ ông Vũ Hữu T đã nộp tiền cho thôn Đ ngày 02/01/2007, đề nghị xem xét trả lại số tiền hộ ông T đã nộp để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông T.

* *Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị V:* Trình bày thống nhất như nội dung ông Vũ Hữu T trình bày.

* *Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên một số yêu cầu khởi kiện là hủy 02 quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định thu hồi đất, đề nghị UBND phường H trả lại số tiền đã mua thửa đất theo giá đất ở hiện nay; bổ sung thêm yêu cầu hủy một phần Quyết định số 13556/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC khi nhà nước thu hồi đất tại phường H, thị xã N (phần liên quan đến ông Vũ Hữu T); rút yêu cầu đề nghị UBND thị xã N bồi thường diện tích 59,2m² đất thu hồi theo giá trị đất ở bằng 189.440.000 đồng và cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 93,4m² đất còn lại chưa bị thu hồi.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch UBND thị xã N và UBND thị xã N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của UBND phường H: Nghị quyết 08 của Đảng bộ và Đề án 02 của UBND xã H (nay là phường H) là đúng quy định. Việc thôn Đ bán đất và giao đất trái thẩm quyền năm 2006 cho ông Vũ Hữu T để lấy tiền xây dựng nhà văn hóa, lớp học mầm non của thôn, khoản tiền thu không được nộp vào ngân sách theo quy định pháp luật là vi phạm pháp luật; nội dung này đã được kết luận tại các văn bản và bản án hình sự sơ thẩm, hình sự phúc thẩm của Tòa án. Thửa đất ông T sử dụng hiện nay vẫn là loại đất BHK (đất trồng cây hàng năm), chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt là đất ở. Vì vậy, không đủ căn cứ để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận là đất ở. Đối với khoản tiền ông T đã nộp 6.000.000 đồng, thì UBND phường sẽ có trách nhiệm thanh toán theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:* Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 7, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hữu T về việc:

- Hủy Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T, tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T, tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy Quyết định số 13576/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của ông Vũ Hữu T đang sử dụng tại phường H, thị xã N để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Q - T, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT.

- Hủy một phần Quyết định số 13556/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại phường H, thị xã N (phần liên quan đến ông Vũ Hữu T).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc đề nghị UBND thị xã N chi trả tiền bồi thường đối với thửa đất số 32, tờ trích đo TD4, diện tích nguyên thửa 152,6m², diện tích bồi thường 59,2m² theo giá trị đất ở. Cụ thể: 3.200.000đ/m² x 59,2m² = 189.440.000đ (*Một trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) và đề nghị được cấp GCNQSDĐ ở với diện tích 93,4m² còn lại sau khi bị thu hồi.

3. Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho ông Vũ Hữu T đối với yêu cầu buộc UBND phường H (hoặc cơ quan, cá nhân có thẩm quyền) trả lại số tiền ông đã mua thửa đất số 32, tờ trích đo TD4, diện tích nguyên thửa 152,6m², diện tích thu hồi 59,2m² vào năm 2006 với số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

Về án phí: Ông Vũ Hữu T phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên và các bên đương sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Quyết định số 13576/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa về việc thu hồi đất do ông Vũ Hữu T sử dụng tại phường H, thị xã N để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Q - T, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT.

Quyết định số 13556/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại phường H, thị xã N để GPMB thực hiện dự án: Đầu tư

xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Q - T, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT.

Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T và Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T, tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Đây là các Quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai, mà người khởi kiện cho rằng quyền, lợi ích của mình bị xâm phạm, là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện:

Sau khi nhận được Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T, TDP Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; ngày 28/4/2023, ông T viết đơn khởi kiện và ngày 05/5/2023, ông T gửi đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa (gửi đơn trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 được ban hành). Vì vậy, ông Vũ Hữu T có quyền khởi kiện và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hữu T:

[2.1] Về trình tự thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền ban hành các quyết định:

Thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Q - T, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT; ngày 07/5/2021, UBND thị xã N ban hành Thông báo thu hồi đất số 1391/TB-UBND, do ông Vũ Hữu T đang sử dụng tại phường H, thị xã N. Ngày 23/11/2021, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 13576/QĐ-UBND và Quyết định số 13556/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Vũ Hữu T với nội dung không thống nhất với quyết định thu hồi đất và yêu cầu được bồi thường diện tích đất thu hồi là đất ở; Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3186/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 (lần 1); ông T không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã N, nên tiếp tục khiếu nại lần 2. Ngày 14/6/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2058/QĐ-UBND (lần 2)

Như vậy, các Quyết định nêu trên được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 52, 56 của Luật tổ chức chính

quyền địa phương; các Điều 62, 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 18, 21 và từ Điều 27 đến 31, từ Điều 36 đến 40 của Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Xét Quyết định số 13576/QĐ-UBND và Quyết định số 13556/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thị xã N:

[2.2.1] Nội dung Quyết định số 13576/QĐ-UBND và Quyết định số 13556/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thị xã N; thu hồi 59,2m² đất do ông Vũ Hữu T đang sử dụng ở TDP Đ, phường H, thị xã N; ông T được bồi thường về cây cối, hoa màu 414.000 đồng, không được bồi thường về đất.

[2.2.2] Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

* Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ:

- Bản đồ địa chính xã H năm 1993: Thuộc một phần thửa số 455, tờ bản đồ số 3, diện tích nguyên thửa 4.583m², loại đất LM, mục kê ghi HTX.

- Bản đồ địa chính xã H năm 2006: Thuộc một phần thửa số 51, tờ bản đồ số 16, diện tích nguyên thửa 3.500m², loại đất BHK, mục kê ghi UBND xã.

- Tờ trích đo địa chính hiện trạng sử dụng đất số 04/TĐĐC-2021 phục vụ GPMB dự án xây dựng tuyến đường bộ ven biển Q - T được Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa phê duyệt ngày 20/4/2021: Khu đất ông T đang khởi kiện thuộc một phần thửa đất số 32, tờ bản đồ số TD4, diện tích nguyên thửa 152,6m², diện tích thu hồi 59,2m², diện tích còn lại 93,4m², hiện đang sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm (BHK), mục kê ghi tên người sử dụng là Vũ Hữu T.

* Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Thửa đất số 32, tờ trích đo 04, hộ ông Vũ Hữu T đang sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm diện tích 152,6m² có nguồn gốc thuộc đất do thôn Đ (nay là tổ dân phố Đ) bán có thu tiền sử dụng đất, số tiền 6.000.000 đồng, thời gian thôn giao đất vào năm 2006, được xác định là đất bán, giao trái thẩm quyền sau ngày 01/7/2004.

+ Ngày 13/8/2007, Sở Tài nguyên và Môi trường có Kết luận số 1920/KL-STNMT về kiểm tra việc bán đất trái thẩm quyền tại các thôn xã H, huyện T, đã kết luận “Việc trưởng thôn 06 thôn xã H bán đất cho 97 hộ từ tháng 02/2006 đến tháng 4/2007 với diện tích 2,65 ha, thu 1.878 triệu đồng không qua sổ sách kế toán, chi trực tiếp vào các công trình phúc lợi của thôn; việc UBND xã H bán thanh lý tài sản các nhà văn hóa gắn liền với đất 04 thôn (thực chất là bán đất trái thẩm quyền), thu 939 triệu đồng khi chưa được sự đồng ý của UBND huyện T và để cho 06 thôn bán đất làm nhà ở là vi phạm nghiêm trọng Điều 37 Luật đất đai năm 2003 và Điều 72 Luật ngân sách năm 2002. Kiến nghị UBND xã H giữ nguyên hiện trạng đất đã vi phạm, nghiêm cấm các hộ xây dựng nhà, các công trình kiến trúc; thu hồi lại diện tích đất đã

bán trái thẩm quyền đưa vào sản xuất, đồng thời trả lại tiền cho các hộ đã mua đất do thôn và UBND xã H bán trái thẩm quyền”.

+ Ngày 12/5/2008, Công an huyện T (nay là thị xã N) có Kết luận điều tra số 37/KLĐT-CATG vụ án tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ, đã xác định: “Thực hiện Nghị quyết 08 và Đề án 02 của UBND xã H, Chi ủy, Chi bộ, Ban thôn Đ tổ chức họp triển khai cho đảng viên và nhân dân trong thôn biết chủ trương xây dựng nhà văn hóa thôn, nhà mầm non, nhà xe tang, cổng chào thôn, hệ thống mương tiêu nước và thống nhất trong các cuộc họp: nguồn tiền để xây dựng lấy từ 03 nguồn: thu mỗi hộ dân 100.000 đồng, xin xã hỗ trợ, bán một số mảnh đất kém hiệu quả trong thôn để lấy tiền xây dựng nhà văn hóa thôn ... Do không thu được tiền của nhân dân đóng góp và được sự thống nhất trong các cuộc họp chi bộ, ban thôn và nhân dân trong thôn nên từ tháng 5/2006 đến tháng 6/2006 ông Vũ Huy C1 và ông Vũ Minh T3 đã trực tiếp chỉ đạo bán 31 lô đất nông nghiệp cho 29 hộ làm đất ở với diện tích là 5.444m², thu số tiền 312.000.000đ. Trong đó hộ ông Vũ Hữu T (trong Kết luận điều tra ghi là Vũ Anh T) mua 150m² đất, thu số tiền 6.000.000đ tại sổ thứ tự 06, trang 12 trong Kết luận điều tra”.

+ Tại Bản án sơ thẩm số 10/2009/HSST ngày 12/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã N) xét xử vụ án hình sự về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và tại Bản án phúc thẩm số 61/2009 ngày 22/4/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh đã xác định: “Sau khi có Nghị quyết 08 của Đảng bộ và Đề án 02 của UBND xã về việc huy động nguồn vốn để sửa chữa, nâng cấp và xây nhà văn hóa, kết hợp với lớp học mầm non giai đoạn 2006-2010. Nhưng trong quá trình thực hiện Chủ tịch UBND xã đã cùng với 6 trưởng thôn và 6 bí thư chi bộ ở các thôn: N, H, H1, Đ, N2, N3 không thực hiện đúng Nghị quyết 08 và Đề án 02 mà đã bán đất trái thẩm quyền với diện tích 31.126m² thu số tiền là 2.230.818.000 đồng, không có quy hoạch nhưng đã cho phép 4 thôn làm nhà văn hóa”. Tòa án đã tuyên án và áp dụng hình thức xử phạt tương ứng với tội danh của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Như vậy, thửa đất ông Vũ Hữu T đang sử dụng là do thôn Đ giao là không đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và số tiền thu của ông T không được hạch toán theo quy định, nên đã vi phạm Luật Ngân sách.

Đối chiếu với điểm c khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai, bao gồm “*Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền*” và khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất “*Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này*”, thì việc UBND thị xã N ban hành Quyết định thu hồi đất do ông Vũ Hữu T đang sử dụng tại

phường H, thị xã N để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Q - T, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT: Thu hồi diện tích 59,2 m² đất, thửa đất số 32, tờ trích đo số TD4, loại đất BHK, đất giao không đúng thẩm quyền giai đoạn 2006-2007, xác định ông T không được bồi thường đất ở là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Từ nhận định tại mục [2.2], có căn cứ khẳng định Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T (lần 1) và Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T (lần 2), kết luận: Ông Vũ Hữu T, tổ dân phố Đ, phường H khiếu nại được thu hồi bồi thường diện tích 59,2m² là đất ở là không có cơ sở là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Đối với yêu cầu về việc đề nghị UBND thị xã N chi trả tiền bồi thường đối với thửa đất số 32, tờ trích đo TD4, diện tích nguyên thửa 152,6m², diện tích bồi thường 59,2m² theo giá trị đất ở. Cụ thể: $3.200.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 59,2\text{m}^2 = 189.440.000$ đồng và đề nghị được cấp GCNQSDĐ ở với diện tích 93,4m² còn lại sau khi bị thu hồi:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã rút yêu cầu nên HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[2.5] Đối với yêu cầu đề nghị UBND phường H trả lại số tiền ông đã mua thửa đất số 32, tờ trích đo TD4, diện tích nguyên thửa 152,6m², diện tích thu hồi 59,2m² đã mua vào năm 2006 theo giá trị đất ở hiện hành:

Do người khởi kiện chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh giá trị thiệt hại cũng như cơ quan, cá nhân có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên chưa có căn cứ giải quyết. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, căn cứ Điều 7 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, HĐXX tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nếu người khởi kiện có đơn yêu cầu.

[3] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hữu T. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hữu T là có căn cứ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận một phần nên ông Vũ Hữu T phải nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206, khoản 3 Điều 345, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 64, Điều 82 Luật Đất đai

năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

* Xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hữu T về việc:

- Hủy Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T, tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa;

- Hủy Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Hữu T, tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa;

- Hủy Quyết định số 13576/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của ông Vũ Hữu T đang sử dụng tại phường H, thị xã N để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Q - T, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT;

- Hủy một phần Quyết định số 13556/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thị xã N, tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC khi nhà nước thu hồi đất tại phường H, thị xã N để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Q - T, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT (phần liên quan đến hộ ông Vũ Hữu T);

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc đề nghị UBND thị xã N chi trả tiền bồi thường đối với thửa đất số 32, tờ trích đo TD4, diện tích nguyên thửa 152,6m², diện tích bồi thường 59,2m² theo giá trị đất ở. Cụ thể: 3.200.000đ/m² x 59,2m² = 189.440.000đ (*Một trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) và đề nghị được cấp GCNQSDĐ ở với diện tích 93,4m² còn lại sau khi bị thu hồi.

3. Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho ông Vũ Hữu T đối với yêu cầu buộc UBND phường H (hoặc cơ quan, cá nhân có thẩm quyền) trả lại số tiền ông đã mua thửa đất số 32, tờ trích đo TD4, diện tích nguyên thửa 152,6m², diện tích thu hồi 59,2m² vào năm 2006 với số tiền 6.000.000 đồng.

* Về án phí: Ông Vũ Hữu T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000182 ngày 01/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, ông T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Các đương sự hoặc người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án; Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến